

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2023/DS-ST**
Ngày: 12-9-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh;
2. Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: số 169 phố Linh Đường, phường L, quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Võ Trung D, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện S, tỉnh N; địa chỉ: số 190 đường Hùng Vương, thị trấn Đ, huyện Quế Sơn, tỉnh N (*theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 41/QĐ-NHCS ngày 03/10/2022 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện S, tỉnh N*).

2. *Bị đơn:* chị Phạm Thị N, sinh năm 1993; thôn G, xã P, huyện S, tỉnh N.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Công V, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn G, xã P, huyện S, tỉnh N.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Võ Trung D trình bày:

Vào ngày 20/12/2017, chị N vay của Ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng theo khế ước vay vốn số: 6600000711704332, thời gian vay 60 tháng, lãi suất: 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 0,975%/tháng, ngày đến hạn: 20/12/2022, mục đích vay: làm công trình nước sạch và vệ sinh. Tính đến ngày 22/02/2023, chị N đã trả cho Ngân hàng số tiền 2.064.000 đồng (trong đó gốc là 0 đồng, lãi là 2.064.000 đồng). Sau đó, đến kỳ hạn trả nợ chị N không trả nợ theo như cam kết với Ngân hàng, khoản nợ chuyển nợ quá hạn từ ngày 07/01/2023.

Tại sổ vay vốn có mã khách hàng: 7084884326 anh Lê Công V – chồng chị N có ký xác nhận thành viên hộ gia đình của chị N tại thời điểm vay vốn, mục đích vay vốn nhằm sử dụng chung cho hộ gia đình nên khoản nợ trên là khoản nợ chung của vợ chồng chị N.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị N, anh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (12/9/2023) là 16.225.987 đồng, trong đó: nợ gốc là 12.000.000 đồng, lãi trong hạn là 4.005.843 đồng, lãi quá hạn là 220.144 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N và anh V, nhưng các đương sự trên đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 101, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị N có nơi cư trú tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh N. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Việc ký kết hợp đồng vay giữa chị N với Ngân hàng là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng vay đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện:

Theo khế ước vay vốn số: 6600000711704332 ngày 20/12/2017 thì Ngân hàng cho chị N vay số tiền 12.000.000 đồng, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 0,975%/tháng, ngày đến hạn: 20/12/2022, mục đích vay: làm công trình nước sạch và vệ sinh. Chị N đã nhận đủ số tiền Ngân hàng giải ngân là 12.000.000 đồng. Tính đến ngày 22/02/2023, chị N mới trả được 2.064.000 đồng nợ lãi, sau đó không trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận nên khoản nợ chuyển quá hạn từ ngày 07/01/2023. Tại sổ vay vốn có mã khách hàng số 7084884326 anh V ký xác nhận là thành viên hộ gia đình của chị N. Tại Trích lục kết hôn số 351/TLKH-BS ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N thể hiện chị N và anh V kết hôn ngày 08/7/2013. Khoản vay giữa chị N với Ngân hàng nhằm mục đích sử dụng chung cho hộ gia đình, tại thời điểm vay chị N và anh V là vợ chồng nên cần xác định khoản vay trên là nợ chung của chị N và anh V.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị N, anh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, hợp đồng vay đã quá hạn nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N, anh V trả tiền vay theo hợp đồng vay là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị N và anh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số

tiền nợ tính đến ngày 12/9/2023 là 16.225.987 đồng, trong đó: nợ gốc là 12.000.000 đồng, lãi trong hạn là 4.005.843 đồng, lãi quá hạn là 220.144 đồng, đồng thời, chị N và anh V tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị N, anh V phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Ngân hàng C thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 101, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

1. Chị Phạm Thị N và anh Lê Công V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 16.225.987 đồng, trong đó: nợ gốc là 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng, lãi trong hạn là 4.005.843 (*bốn triệu không trăm lẻ năm nghìn tám trăm bốn mươi ba*) đồng, lãi quá hạn là 220.144 (*hai trăm hai mươi nghìn một trăm bốn mươi bốn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Phạm Thị N và anh Lê Công V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh lý xong hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị N và anh Lê Công V phải chịu là 811.299 (*Tám trăm mười một nghìn hai trăm chín mươi chín*) đồng.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Sen